TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST Ngày 06-9-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 99 đường M, phường H, quận D, thành phòng Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 5 năm 2019 và bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn Đ tại UBND xã M, huyện K, thành phố Hải phòng ngày 24/01/2007 (Giấy chứng

nhận kết hôn số 04). Cuối năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên chơi bài bạc, không quan tâm đến chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đã có lần anh đánh chị. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nên chị phải bỏ đi thuê nhà trọ ở từ tháng 4 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con là Đặng Thành Đ1, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011; Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 25/6/2013 đang do anh Đ nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh Đ đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai và trình bày tại phiên hòa giải phù hợp với lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2017, do không thống nhất với nhau về công việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, dẫn đến kinh tế bị sa sút, phần lỗi do anh gây ra trước, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị H không quan tâm đến chồng con và bỏ đi thuê nhà trọ ở từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị H đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Sự vắng mặt của bị đơn nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H; cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Thành Đ1, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011 và cháu Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 25/6/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn, anh Đ xin đoàn tụ. Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã M cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên chơi bài bạc, kinh tế gia đình sa sút, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H đã bỏ đi thuê nhà

trọ ở từ tháng 4 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình; quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nên giải quyết cho anh chị ly hôn. Vì vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Đặng Thành Đ1, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011; Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 25/6/2013 đang do anh Đ nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều thống nhất giao hai con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã M thì anh Đ làm nghề phụ tầu chở hàng có mức thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có bố mẹ đẻ anh Đ giúp đỡ, chăm sóc các cháu rất tốt, đảm bảo cuộc sống cho các cháu được học tập đầy đủ. Chị H làm công nhân giầy da, thường xuyên đi sớm về muộn, không có chổ ở ổn định. Đối với nguyện vọng của cháu Đ1 được ở với anh Đ. Do đó cần giao hai cháu cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết (theo biên bản hòa giải ngày 09 tháng 8 năm 2019). Xét sự thỏa thuận đó là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; được công nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn Đ; giao cháu Đặng Thành Đ1, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011 và cháu Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 25/6/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012307 ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu